

Bản án số: 228/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 21-03-2023  
V/v “tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Lê Diễm Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Việt Dũng
2. Bà Trần Hoàng Ngọc Hà

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đ1 diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 970/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Phùng Quốc H** - sinh năm 1972

Địa chỉ: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (*ông H có mặt*)

*Bị đơn:* Bà **Lê Thị L** - sinh năm 1976

Địa chỉ: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (*bà L có mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn là ông Phùng Quốc H trình bày:

Ông và bà Lê Thị L tự nguyện chung sống từ năm 1995 và đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình. Sau khi kết hôn, ông và bà L P sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách và cách giáo dục con cái. Bà L bao che cho các con dẫn đến hậu quả hai con lớn đang chấp hành án trong đó có 01 con nhiều lần đi tù và cả hai con đều nghiện ma túy. Khi chung sống với nhau bà L cũng không tôn trọng ông và gia đình, anh, chị, em. Mâu thuẫn gần đây nhất là việc cháu nội của ông, bà chưa có giấy khai sinh do bố cháu đi tù nên ông muốn ông và bà L làm thủ tục nhận cháu làm con nuôi để cháu có các giấy tờ đi học nhưng bà L không đồng ý. Trong

thời gian tòa án giải quyết, hai bên vẫn chung sống, ăn uống chung và sinh hoạt vợ chồng bình thường nhưng ông vẫn muốn ly hôn vì muốn hai người tách biệt ra, không còn quan hệ gì với nhau để bà L ra ngoài sinh sống, mỗi người tự làm lại cuộc đời của mình.

Về con chung:

Có 3 con chung bao gồm: Phùng Lê P, sinh ngày 14/11/1996; Phùng Lê Đ, sinh ngày 14/11/1996; Phùng Lê Quốc Đ1, sinh ngày 14/09/2007. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Phùng Lê Quốc Đ1, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Riêng Phùng Lê P và Phùng Lê Đ đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H yêu cầu tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ông H khai không có nợ chung.

Bị đơn, bà Lê Thị L trình bày: Bà L thống nhất với trình bày của ông H về thời gian chung sống và kết hôn.

Bà L thừa nhận quá trình chung sống hai bên cũng có xích mích nhau nhưng đó là chuyện bình thường vì có những việc ông H yêu cầu không đúng thì bà không đồng ý. Khi các con còn ở nhà bà không bên vực các con như ông H khai mà cũng có khuyên bảo các con. Khi hai con lớn đi tù, bà đi thăm nom các con nhưng ông H không đồng ý. Từ khi ông H nộp đơn cho đến khi Tòa án triệu tập bà để làm việc thì giữa bà và ông H không sống ly thân, vẫn sống chung nhà, vẫn ăn uống chung và quan hệ vợ chồng bình thường, vợ chồng vẫn phụ giúp, đỡ đần nhau trong công việc. Hiện tại bà may đồ gia công tại nhà, chăm sóc trẻ Đ1 đang học lớp 10 và chăm sóc cháu nội mới 15 tháng tuổi của ông, bà. Hai bên không có cãi vã với nhau, vẫn nói chuyện, trao đổi các vấn đề trong gia đình bình thường, khi hàng may nhiều, ông H vẫn phụ giúp bà làm hàng, ngày Tết, cả nhà cùng cả gia đình đi chơi, đi thăm họ hàng. Nay ông H yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý vì bà vẫn còn tình cảm với ông H, hai bên cũng không có mâu thuẫn gì lớn, hai con trai lớn của bà sắp ra tù vào tháng 9 tới đây, bà mong muốn các con có cha mẹ đầy đủ, hai bên cùng giáo dục lại các con để các con trở thành người có ích cho xã hội. Những vấn đề ông H yêu cầu nhưng bà thấy không hợp lý thì bà không đồng ý, như việc ông H cấm cản không cho bà đi thăm các con hay việc ông H yêu cầu bà làm thủ tục nhận cháu nội làm con nuôi trong khi cháu vẫn còn cha mẹ đầy đủ và gia đình bên ngoại cháu đang làm thủ tục xin cấp giấy khai sinh cho cháu nên bà muốn cháu có khai sinh tên cha mẹ ruột để sau này cháu không thắc mắc.

Về con chung: Có 3 con chung bao gồm: Phùng Lê P, sinh ngày 14/11/1996; Phùng Lê Đ, sinh ngày 14/11/1996; Phùng Lê Quốc Đ1, sinh ngày 14/09/2007. Nếu pH ly hôn, bà đồng ý giao trẻ Phùng Lê Quốc Đ1 cho ông H nuôi dưỡng vì hiện tại bà không có đủ điều kiện nuôi con. Bà không cấp dưỡng nuôi con vì chưa có khả năng. Riêng Phùng Lê P và Phùng Lê Đ đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L đồng ý để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai không có.

Tại phiên tòa,

Ông Phùng Quốc H trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà L vì bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con. Ông mong muốn được ly hôn để hai bên không có vấn đề gì liên quan đến nhau nữa. Về con chung, ông vẫn giữ ý kiến như các lần hòa giải.

Về tài sản chung: Yêu cầu để tự hai bên thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Bà Lê Thị L trình bày: Bà không đồng ý ly hôn với ông H vì bà vẫn còn tình cảm với ông H, muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho con. Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà vẫn giữ ý kiến như tại các lần hòa giải.

*ĐI diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình P biểu:*

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Trong vụ án này, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ nên căn cứ Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án ra quyết định sơ thẩm có sự tham gia của Viện kiểm sát là đúng quy định. Thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ cho viện kiểm sát và thủ tục tổng Đ thực hiện theo đúng quy định.

- Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án dân sự:

Nhận thấy căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân của ông H, bà L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nhận thấy ông bà đều thừa nhận có mâu thuẫn nhưng chưa từng xảy ra xung đột lớn, chưa từng xảy ra xô xát. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông bà là mâu thuẫn vợ chồng bình thường. Thời gian vừa qua ông bà vẫn sống chung nhà, ăn uống và sinh hoạt chung, cùng nuôi con chung và cháu nội. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014, mâu thuẫn giữa hai ông bà là không lớn, quan hệ hôn nhân có thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân vẫn Đ được, con chung cần cả bố và mẹ để chăm sóc, nuôi dưỡng nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H. Vì không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H nên không xem xét đến vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

Bởi các lẽ trên: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Đ1 diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về pháp luật tố tụng:**

Nguyên đơn – Ông Phùng Quốc H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là bà Lê Thị L. Do bà L có nơi cư trú tại quận Tân Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ nên theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng quy định.

#### **[2] Về pháp luật nội dung:**

##### **[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của ông Phùng Quốc H:**

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số A, quyển số B của Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/01/1996 thì quan hệ hôn nhân của ông H và bà L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo ông H trình bày, quá trình chung sống P sinh mâu thuẫn do bà L dung túng, bao che cho con dẫn đến việc các con vi phạm pháp luật và thiếu tôn trọng ông và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, tại điều 72 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có quy định: Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền giáo dục con, chăm lo và tạo điều kiện cho con học tập. Như vậy, ông H là cha nên cũng PH có nghĩa vụ cùng với bà L giáo dục con cái. Ngoài ra, việc ông H không cho bà L đi thăm nuôi các con đang chấp hành án, yêu cầu bà L làm thủ tục nhận cháu nội làm con nuôi trong khi cha mẹ của cháu vẫn còn... và xem đó là mâu thuẫn để yêu cầu ly hôn là không đúng và chưa chính đáng. Tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa, bà L trình bày bà vẫn còn thương chồng, luôn mong muốn được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chưa thành niên. Bà L và ông H đều xác nhận vợ chồng vẫn chung sống bình thường, vẫn ăn uống chung, phụ giúp, hỗ trợ nhau trong công việc, vẫn quan hệ vợ chồng với nhau, ngày Tết cùng nhau đi thăm viếng họ hàng... cho thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà L chỉ là những xung đột nhỏ trong gia đình, chưa đến mức trầm trọng, vẫn còn có khả năng hàn gắn. Ông H cũng không chứng minh được những hành vi vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng hoặc bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, xét thấy yêu cầu ly hôn của ông H không có căn cứ chấp nhận nên hội đồng xét xử bác yêu cầu ly hôn của ông H để tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ và cùng chăm sóc, giáo dục con.

Do bác yêu cầu ly hôn của ông H nên hội đồng xét xử không xem xét các quan hệ về con chung, tài sản chung và nợ chung của ông H và bà L.

Xét ý kiến của Đ1 diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0032128 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu của ông Phùng Quốc H về việc yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị L.

Do bác yêu cầu ly hôn của ông Phùng Quốc H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết các quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung của ông Phùng Quốc H và bà Lê Thị L.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm:

Ông Phùng Quốc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, L phí Tòa án số AA/2021/0032128 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THA DS Q.Tân Bình;
- UBND Phường X, Q.Y;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Lê Diễm Thúy**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THA DS Q.Tân Bình;
- UBND Phường 12, Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Lê Diễm Thúy**